

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 1

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Số bé nhất trong các số: 3,055; 3,050; 3,005; 3,505 là:

- A. 3,505                      B. 3,050                      C. 3,005                      D. 3,055

**Phương pháp**

So sánh các số để xác định số bé nhất.

**Lời giải**

Số bé nhất trong các số: 3,055; 3,050; 3,005; 3,505 là 3,005

**Đáp án: C**

**Câu 2.** Có bao nhiêu số thập phân ở giữa 0,5 và 0,6:

- A. Không có số nào      B. 1 số                      C. 9 số                      D. Rất nhiều số

**Phương pháp**

Dựa vào kiến thức về số thập phân

**Lời giải**

Có rất nhiều số thập phân ở giữa 0,5 và 0,6 như 0,51 ; 0,511 ; 0,512; .....

**Đáp án: D**

**Câu 3.** Hỗn số  $3\frac{9}{10}$  viết thành số thập phân là:

- A. 3,90                      B. 3,09                      C. 3,9100                      D. 3,109

**Phương pháp**

Áp dụng cách viết  $\frac{1}{10} = 0,1$

**Lời giải**

Hỗn số  $3\frac{9}{10}$  viết thành số thập phân là: 3,9

**Đáp án: A**

**Câu 4.** Tìm một số biết 20 % của nó là 16. Số đó là:

- A. 0,8                      B. 8                      C. 80                      D. 800

**Phương pháp**

Số đó =  $16 : 20 \times 100$

**Lời giải**

Số đó là  $16 : 20 \times 100 = 80$

**Đáp án: C**

**Câu 5.** Trung bình một người thợ làm một sản phẩm hết 1 giờ 30 phút. Người đó làm 5 sản phẩm mất bao lâu.

A. 7 giờ 30 phút

B. 7 giờ 50 phút

C. 6 giờ 50 phút

D. 6 giờ 15 phút

**Phương pháp**

Thời gian làm 5 sản phẩm = thời gian làm 1 sản phẩm x 5

**Lời giải**

Người đó làm 5 sản phẩm hết số thời gian là:

$$1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} \times 5 = 7 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$$

**Đáp án: A**

**Câu 6.** Một lớp học có 32 học sinh, trong đó số học sinh nữ chiếm 25 %. Như vậy số học sinh nữ là:

A. 6

B. 8

C. 10

D. 12

**Phương pháp**

Số học sinh nữ = số học sinh cả lớp : 100 x số phần trăm học sinh nữ

**Lời giải**

Số học sinh nữ là:  $32 : 100 \times 25 = 8$  (học sinh)

**Đáp án: B**

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Điền dấu  $>$ ,  $<$ ,  $=$  thích hợp vào chỗ chấm.

$$5 \text{ dm}^2 7 \text{ cm}^2 \dots\dots 57 \text{ cm}^2$$

$$2\frac{1}{5} \text{ giờ} \dots\dots 2 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$$

$$3786 \text{ m}^3 \dots\dots 37 \text{ m}^3 86 \text{ cm}^3$$

$$30 \text{ tháng} \dots\dots 2,5 \text{ năm}$$

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ dm}^2 = 100 \text{ cm}^2 ; 1 \text{ giờ} = 60 \text{ phút}$$

$$1 \text{ m}^3 = 1000 \text{ 000 cm}^3 ; 1 \text{ năm} = 12 \text{ tháng}$$

**Lời giải**

$$5 \text{ dm}^2 7 \text{ cm}^2 > 57 \text{ cm}^2$$

$$2\frac{1}{5} \text{ giờ} < 2 \text{ giờ } 15 \text{ phút}$$

$$3786 \text{ m}^3 > 37 \text{ m}^3 86 \text{ cm}^3$$

$$30 \text{ tháng} = 2,5 \text{ năm}$$

**Câu 2.** Điền vào chỗ chấm

Một căn phòng dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 8m, rộng 4,5m và cao 4m. Người ta quét vôi trần nhà và 4 bức tường xung quanh bên trong ngôi nhà. Biết diện tích của cửa là  $8,9 \text{ m}^2$ . Diện tích cần quét vôi là: .....

**Phương pháp**

Diện tích xung quanh = (chiều dài + chiều rộng) x 2 chiều cao

Diện tích trần = chiều dài x chiều rộng

Diện tích cần quét vôi = diện tích xung quanh + Diện tích trần – diện tích cửa

**Lời giải**

Diện tích xung quanh căn phòng là:  $(8 + 4,5) \times 2 \times 4 = 100 \text{ (m}^2\text{)}$

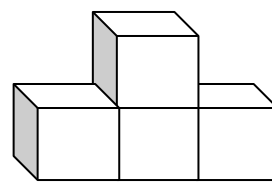
Diện tích trần nhà là:  $8 \times 4,5 = 36 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích cần quét vôi là:  $100 + 36 - 8,9 = 127,1 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số:  $127,1 \text{ m}^2$

**Câu 3.** Có 4 hình lập phương bằng nhau, cạnh

của mỗi hình lập phương là  $2\text{cm}$ ; thể tích của 4 hình lập phương đó.

**Phương pháp**

Bước 1. Thể tích mỗi hình lập phương = cạnh x cạnh x cạnh

Bước 2. Thể tích của 4 hình lập phương = Thể tích mỗi hình lập phương x 4

**Lời giải**

Thể tích mỗi hình lập phương là

$$2 \times 2 \times 2 = 8 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Thể tích của 4 hình lập phương là:

$$8 \times 4 = 32 \text{ (cm}^3\text{)}$$

Đáp số:  $32 \text{ cm}^3$

**Câu 4.** Một ô tô khởi hành lúc 6 giờ 30 phút với vận tốc  $42\text{km/giờ}$ , đến 15 giờ thì ô tô tới địa điểm trả hàng. Tính quãng đường ô tô đã đi được, biết rằng lái xe nghỉ ăn trưa 45 phút.

**Phương pháp**

Bước 1. Tìm thời gian ô tô đi = thời gian đến nơi – thời gian khởi hành – thời gian nghỉ

Bước 2. Quãng đường = vận tốc x thời gian

**Lời giải**

Thời gian ô tô đi không kể thời gian nghỉ là:

$$15 \text{ giờ} - 6 \text{ giờ } 30 \text{ phút} - 45 \text{ phút} = 7 \text{ giờ } 45 \text{ phút} = 7,75 \text{ giờ}$$

Quãng đường ô tô đã đi được là:

$$42 \times 7,75 = 325,5 \text{ (km)}$$

Đáp số:  $325,5 \text{ km}$

**Câu 5. Tính**

$$a) 69,78 \times 75\% + 69,78 \times \frac{1}{4} + 69,78 \times 99$$

$$b) x \times 0,1 + x : 0,25 + x \times 2,9 + x : 0,5 + x = 25,2$$

**Phương pháp**

a) Viết tỉ số phần trăm, phân số dưới dạng số thập phân

Áp dụng công thức:  $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

b) Chuyển phép chia thành phép nhân rồi áp dụng công thức:  $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

**Lời giải**

$$a) 69,78 \times 75\% + 69,78 \times \frac{1}{4} + 69,78 \times 99$$

$$= 69,78 \times 0,75 + 69,78 \times 0,25 + 69,78 \times 99$$

$$= 69,78 \times (0,75 + 0,25 + 99)$$

$$= 69,78 \times 100$$

$$= 6\,978$$

$$b) x \times 0,1 + x : 0,25 + x \times 2,9 + x : 0,5 + x = 25,2$$

$$x \times 0,1 + x \times 4 + x \times 2,9 + x \times 2 + x = 25,2$$

$$x \times (0,1 + 4 + 2,9 + 2 + 1) = 25,2$$

$$x \times 10 = 25,2$$

$$x = 25,2 : 10$$

$$x = 2,52$$